

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/HS-ST

Ngày: 21-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Tnh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Tân- Kiểm sát viên.

Ngày 19 và 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2020/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 07-8-2020 đối với các bị cáo:

1. **Trần Thị Yến K**, sinh năm 1987; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Đền (chết) và bà Trần Duy Nghiêm; có chồng: Võ Văn Cường và 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-3-2020 đến nay. Bị cáo. (có mặt)

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tình (chết) và bà Kiều Thị Hường; vợ: Văn Thị Diễm My và 01 người con sinh 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ

ngày 20-02-2020, chuyển tạm giam từ ngày 29-02-2020, ngày 27-3-2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (có mặt)

3. **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 1981; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; trú tại Ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Trang (chết) và bà Nguyễn Thị Giỏi; có chồng: Dương Văn Nhỏ; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; **tiền án, tiền sự không**. Bị cáo bị tạm giữ ngày 20-02-2020, chuyển tạm giam từ ngày 29-02-2020, ngày 01-4-2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.(có mặt)

4. **Đổng Thị Mộng L2**, sinh năm 1970; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; trú tại: Ấp T Phước, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đổng Ngọc Diệp (chết) và bà Lê Thị Mộng Hoàng; chồng: Trần Văn Chánh; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1995; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22-4-2020 đến nay. (có mặt)

5. **Trần Thị H**(tên gọi khác: Lan), sinh năm 1959; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; trú tại: Ấp T H, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hải Thọ (chết) và bà Nguyễn Thị Tốt (chết); có chồng: Hồ Văn Giúp và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1990; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 28-02-2020 đến nay. (có mặt)

6. **Nguyễn Cao H3**, sinh năm 1985; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; trú tại: Khu phố 3, phường 1, Tnh phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Khoái (chết) và bà Cao Thị Nhuận; vợ: Tô T Thúy; con: 03 người, lớn nhất sinh 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo bị tạm giữ ngày 20-02-2020, chuyển tạm giam từ ngày 29-02-2020, ngày 01-4-2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (có mặt)

7. **Trịnh Thị H2**, sinh năm 1990; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; trú tại: Ấp T H, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Chung và bà Đặng Kim Huê; chồng, con: Chưa có; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo tạm giữ ngày 20-02-2020, chuyển tạm giam từ ngày 29-02-2020, ngày 01-4-2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (có mặt)

8. **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1987; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; trú tại: Ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Văn Dì và bà Lê Thị Thật; có chồng: Nguyễn Ngọc Nước và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-02-2020 đến nay. (có mặt)

9. **Huỳnh Thị O**, sinh năm 1966; nơi sinh: Campuchia; trú tại: Ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Sửu (chết) và bà Lý Thị Dung (chết); có chồng: Nguyễn Văn Sơn; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-02-2020 đến nay. (có mặt)

10. **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1970; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; trú tại: Ấp T H, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Minh (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc (chết); chồng: Nguyễn Trung Tnh; con: 01 người sinh năm 1992; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo tạm giữ ngày 20-02-2020, chuyển tạm giam từ ngày 29-02-2020, ngày 01-4-2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (có mặt)

11. **Châu Thị Kim Q** (tên gọi khác: Ngoan), sinh năm 1976; nơi sinh: tỉnh Bến Tre; trú tại: Ấp T H, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Đức (chết) và bà Châu Thị Nhì; chồng: Nguyễn Văn Long; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 28-02-2020 cho đến nay. (có mặt)

12. **Trần Thị D**, sinh năm 1956; nơi sinh: Campuchia; trú tại: Ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Lý (chết) và bà Nguyễn Thị Liễu (chết); chồng: Nguyễn Chí Trung; con: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1990; **tiền án, tiền sự: Không**. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-02-2020 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo L2: Luật sư **Phan Văn Vĩnh**, văn phòng luật sư Phan Vĩnh – thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 25 phút, ngày 19-02-2020, Công an huyện Châu Tnh bắt quả tang tụ điểm đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào thắng thua bằng tiền tại nhà

Trần Thị Yên K thuộc ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh. Thu giữ tại chiếu bạc 42 lá bài Tây đã qua sử dụng, tiền Việt Nam 4.400.000 đồng và một số tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra chứng minh được, tụ điểm đánh bạc trên do Trần Thị Yên K sử dụng nhà là tiệm bán tạp hóa thuộc quyền quản lý của mình cho nhiều người tham gia đánh bạc, cung cấp bài cho người đánh để thu lợi. K mua mỗi bộ bài với giá 7.000 đồng, mang về bán lại cho người làm cái, khi chơi xong thì người làm cái trả cho K 50.000 đồng/01 bộ bài. Ngoài ra, K còn thu lợi từ việc thu hút nhiều người đến tụ điểm tham gia đánh bạc, xem đánh bạc để bán nước giải khát thu lợi.

Khoảng 15 giờ, ngày 19-02-2020, Nguyễn Văn T đến tiệm tạp hóa của Trần Thị Yên K để đánh bạc. Tại đây, T sử dụng số tiền là 9.509.000 đồng để làm cái đánh bài 03 lá (đếm nút) thắng thua bằng tiền, với số tiền đặt cược từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng/01 người/01 ván. Trong quá trình làm cái, T kêu Trần Thị Mỹ L phụ làm cái và chia bài cho những người tham gia đánh bạc, còn T quan sát, xét bài, thu tiền người thua và chung tiền cho người thắng. Khi làm cái, T thua hết 1.500.000 đồng, còn lại 8.009.000 đồng thì bị bắt quả tang. Những người tham gia đánh bạc gồm:

- Trần Thị Mỹ L mang theo 1.180.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Tham gia đặt cược 05 ván, với số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/01 ván. Sau khi huê tiền, L không tham gia đánh mà chuyển sang làm phụ cái cho T được 02 ván thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người của L 1.180.000 đồng.

- Trần Thị Hmang theo 900.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc. Trước khi T làm cái, Hđưng ra làm cái, bị thua số tiền 700.000 đồng. Sau đó, Hnghe chơi, đợi T làm cái thì tiếp tục tham gia đặt cược với số tiền 100.000 đồng/01 ván và bị thua hết 200.000 đồng còn lại.

- Nguyễn Cao H3 mang theo 2.500.000 đồng, sử dụng 2.450.000 đồng vào mục đích đánh bạc, còn 50.000 đồng đã dùng vào việc mua vé số. Tham gia đặt 09 ván, từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng/01 ván. Kết quả không thắng, không thua, bị thu giữ 2.450.000 đồng.

- Đồng Thị Mộng L2 tham gia từ đầu, mỗi ván đặt 02 tụ bài, mỗi tụ đặt số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Khi lực lượng Công an đến thì L2 bỏ chạy thoát. Sau đó được Cơ quan điều tra mời làm việc thì L2 không thừa nhận hành vi tham gia đánh bạc của mình.

- Trịnh Thị H2 mang theo 1.900.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, tham gia chơi 06 ván, với số tiền 200.000 đồng/01 ván, thắng được 400.000 đồng, bị thu giữ 2.300.000 đồng.

- Nguyễn Thị L mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Tham gia đặt 07 ván, số tiền từ 200.000 đồng/01 ván. Kết quả thua hết 1.000.000 đồng.

- Huỳnh Thị O mang theo 900.000 đồng, sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tham gia đặt 07 ván, số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/01 ván. Sau khi thắng 300.000 đồng, O không tham gia chơi nữa và ra về thì bị bắt.

- Nguyễn Thị Đ mang theo 11.710.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng vào mục đích đánh bạc, đặt số tiền 200.000 đồng/01 ván, tham gia 02 ván, thắng 01 ván và thua 01 ván, huê vốn, bị tạm giữ toàn bộ số tiền 11.710.000 đồng.

- Châu Thị Kim Q mang theo 700.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tham gia đặt cược 04 ván, số tiền 100.000 đồng/01 ván, trong đó thắng 01 ván và thua 03 ván. Kết quả thua 200.000 đồng, còn 500.000 đồng, khi bị bắt bỏ lại tại chiếu bạc.

- Trần Thị D mang theo 1.200.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Tham gia đặt 04 ván, mỗi ván đặt 02 tụ, mỗi tụ đặt 100.000 đồng. Kết quả thua 200.000 đồng, sau đó nghỉ chơi và bị bắt.

Quá trình điều tra, các bị can Tnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, riêng bị can Đồng Thị Mộng L2 không thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 56/QĐ-KSĐT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trần Thị Yến K về tội "Gá bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Hồng, Nguyễn Cao H3, Đồng Thị Mộng L2, Trịnh Thị H2, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị O, Nguyễn Thị Đ, Châu Thị Kim Q, Trần Thị D về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 322; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Trần Thị Yến K từ 12 đến 18 tháng tù cho huOng án treo.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T, Trần Thị Mỹ L, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho huOng án treo.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Đồng Thị Mộng L2 từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo: Nguyễn Cao H3, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị O, Nguyễn Thị Đ, Châu Thị Kim Q, mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho huOng án treo.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo: Trịnh Thị H2; Trần Thị Hồng; Trần Thị D, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Trần Thị Yên K, Nguyễn Văn T, Trần Thị Mỹ L, Nguyễn Cao H3, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị O, Nguyễn Thị Đ, Châu Thị Kim Q, Trịnh Thị H2; Trần Thị Hồng; Trần Thị D thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì bào chữa cho mình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L2: Luật sư cho rằng bị cáo L2 đánh bạc không phải thuộc trường hợp phạm tội quả tang; lời khai của các bị cáo trong vụ án mâu thuẫn với lời khai của bị cáo L2 nhưng không có đối chất; cơ quan điều tra không cho thực nghiệm điều tra để xác định số người tham gia đánh bạc; hồ sơ không có lời khai của anh Sáu và anh Chánh để kiểm chứng để làm rõ chứng cứ ngoại phạm; khi hỏi cung bị cáo L2 không có luật sư chứng kiến là vi phạm thủ tục tố tụng. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo L2 không phạm tội đánh bạc và trả tự do cho bị cáo.

Bị cáo L2 bào chữa bổ sung: Ngày 19-02-2020, bị cáo O nhà, sau khi ngủ dậy, bị cáo và cHbị cáo tổ chức ăn uống tại nhà, cHbị cáo có gọi điện thoại cho anh Sáu đến cùng nH3 với cHbị cáo, bị cáo không tham gia đánh bạc.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; riêng bị cáo L2 cho rằng bị oan, mong Hội xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Tnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Tnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

[2.1] Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị Yên K, Nguyễn Văn T, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Hồng, Nguyễn Cao H3, Trịnh Thị H2, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị O, Nguyễn Thị Đ, Châu Thị Kim Q, Trần Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Xét lời khai nhận của các bị cáo trên là phù hợp với biên bản vụ việc, biên bản xác minh, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo K sử dụng địa điểm thuộc sO hữu của mình cho nhiều người tham gia đánh bạc để thu lợi và các bị cáo khác tham gia đánh bạc với tổng số tiền 18.459.000 đồng. **Do đó**, Hội đồng xét xử có đủ cơ sO kết luận bị cáo Trần Thị Yến K phạm tội "Gá bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Hồng, Nguyễn Cao H3, Trịnh Thị H2, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị O, Nguyễn Thị Đ, Châu Thị Kim Q, Trần Thị D phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với bị cáo Đồng Thị Mộng L2, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận có tham gia đánh bạc vào ngày 19-02-2020 cùng với các bị cáo khác. Tuy nhiên, các bị cáo cùng tham gia đánh bạc đều xác định bị cáo L2 có tham gia đánh bạc ngày 19-02-2020, sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo chạy thoát. Bị cáo L2 cho rằng ngày 19-02-2020 bị cáo O nhà với cH và cH bị cáo có gọi điện thoại cho anh Sáu đến nH3 nhưng lời khai của bị cáo và cH bị cáo là anh Trần Văn Chánh có mâu thuẫn với nhau (bút lục số 219-220; 227-228); ngày 19-02-2020, anh Sáu (Đinh Văn Thi) không có liên lạc với anh Chánh bằng điện thoại (bút lục số 205-216) và anh Sáu cũng không đến nhà bị cáo L2 (bút lục số 217-218) như bị cáo L2 và anh Chánh cH bị cáo L2 khai. Hồ sơ thể hiện số lượng người tham gia đánh bạc ngồi ghế và có cả đứng cùng tham gia; lời khai của anh Sáu và anh Chánh đã được làm rõ tại các bút lục nêu trên nên đề nghị của luật sư là không có cơ sO chấp nhận.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy Viện kiểm sát truy tố bị cáo Mộng L2 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo:

- Bị cáo Trần Thị Yến K, mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng đã sử dụng nhà của mình cho các con bạc đánh bạc để thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo K có tính chất nghiêm trọng nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Tnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

- Bị cáo Đồng Thị Mộng L2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng là người thường xuyên tham gia đánh bạc. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo chưa Tnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Nguyễn Văn T sử dụng số tiền là 9.509.000 đồng tham gia đánh bạc với vai trò làm cái; Trần Thị Mỹ L mang theo 1.180.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng

vào mục đích đánh bạc và làm cái phụ cho T; Trần Thị Hmang theo 900.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Cao H3 mang theo 2.500.000 đồng, sử dụng 2.450.000 đồng đánh bạc; Trịnh Thị H2 mang theo 1.900.000 đồng đánh bạc; Nguyễn Thị L mang theo 1.000.000 đồng đánh bạc; Huỳnh Thị O mang theo 900.000 đồng đánh bạc; Nguyễn Thị Đ mang theo 11.710.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng đánh bạc; Châu Thị Kim Q mang theo 700.000 đồng đánh bạc; Trần Thị D mang theo 1.200.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng đánh bạc nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của mình.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo:

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Hồng, Nguyễn Cao H3, Đồng Thị Mộng L2, Trịnh Thị H2, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị O, Nguyễn Thị Đ, Châu Thị Kim Q, Trần Thị D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo K, T, Mỹ L, Hồng, H3, H2, Thị L, O, Đ, Q, D Tnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy mức hình phạt tù đối với bị cáo K, T, Mỹ L, H3, Thị L, O, Đ, Kim Q là không quá 03 năm; có nhân thân tốt và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, việc cho bị cáo huong án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Các bị cáo Hồng, H2, D lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Tnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo này có khả năng tự cải tạo được nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà xử các bị cáo với hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời cũng đảm bảo tính khoan H của pháp luật.

Xét thấy, các bị cáo K, T, Mỹ L, H3, Thị L, O, Đ, Kim Q không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hồng, H2, D.

Đối với Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1994, ngụ ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; Thái Thị Lùng, sinh năm 1961, ngụ ấp T S, xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh; Nguyễn Thị Giỏi, sinh năm 1950, ngụ ấp T S, xã T Đ,

huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; Nguyễn Thị Lệ, sinh năm 1964, ngụ khu phố Hiệp TH2, phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có tham gia đánh bạc trước khi Nguyễn Văn T làm cái, nhưng tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã chuyển Công an xã T.Đ., huyện Châu Thành xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với người tên Khỏe, Nga sức môi, Út có tham gia đánh bạc nhưng chưa xác định được họ, tên, địa chỉ cụ thể được tách ra tiếp tục truy tìm, làm rõ xử lý sau.

[5] Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau: Tiền Việt Nam: 30.049.000 đồng, trong đó:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền như sau: Thu tại chiếu bạc: 4.400.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Văn T 8.009.000 đồng; số tiền 200.000 đồng của Trần Thị Mỹ L (trong số tiền 1.180.000 đồng); số tiền 2.300.000 đồng thu giữ của Trần Thị H2; số tiền 700.000 đồng của Nguyễn Thị Đ (trong số tiền 11.710.000 đồng); số tiền 2.450.000 đồng của Nguyễn Cao H3 là tài sản dùng vào việc đánh bạc.

+ Số tiền còn lại của Nguyễn Thị Mỹ L là 980.000 đồng; của Nguyễn Thị Đ 11.010.000 đồng, là tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Mỹ L và Đ.

- 42 lá bài tây (đã qua sử dụng); 01 lá bài tây "6 cơ" đã qua sử dụng; 10 ghế băng nhựa màu đỏ; 01 mặt bàn bằng bê tông. Đây là các vật chứng dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy S6, màu bạc, số IMEI: 353018070202051; 01 ĐTDĐ hiệu Apple loại Iphone 7 plus, màu đen, số IMEI: 359177079517275; 01 căn cước công dân số 072088004014, mang tên Nguyễn Văn T. Đây là các tài sản cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A10S màu xanh, số IMEI 1: 35817610160797201, IMEI 2: 35817710160797001. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Mỹ L, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia loại C201 màu đen, số Seri: 355506050151734. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Đ, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Các bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Yến K phạm tội "Gá bạc"; các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị Mỹ L, Đồng Thị Mộng L2; Trần Thị Hồng, Nguyễn Cao H3, Trịnh Thị H2, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị O, Nguyễn Thị Đ, Châu Thị Kim Q, Trần Thị D phạm tội "Đánh bạc".

1. Về hình phạt:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 322; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Yến K 01 (Một) năm tù nhưng cho huong án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho huong án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

3. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mỹ L 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho huong án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

4. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Đồng Thị Mộng L2 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 22-4-2020.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cao H3 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho huong án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho huong án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị O 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho huong án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

8. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Đ 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho huong án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

9. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Châu Thị Kim Q 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho huong án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

10. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

11. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thị H2 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam

giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-02-2020 đến ngày 01-4-2020.

12. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần Thị D 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo K, T, Mỹ L, Thị L, O, Đ, Kim Q về Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh và bị cáo H3 về UBND Phường 1, Tnh phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được cho huOng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được huOng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trO lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được huOng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho huOng án treo.

Giao các bị cáo Hồng, H2, D cho UBND xã T Đ, huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hồng, H2, D.

Do không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo nên các lệnh kê biên số 03/L-CSĐT ngày 25-5-2020; số 04/L-CSĐT ngày 25-5-2020 và số 05/L-CSĐT ngày 17-6-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Tnh, tỉnh Tây Ninh được hủy bỏ.

2. Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền như sau: 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng thu giữ tại chiếu bạc; 8.009.000 (Tám triệu không trăm lẻ chín nghìn) đồng thu giữ của Nguyễn Văn T; 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng của Trần Thị Mỹ L (trong số tiền 1.180.000 đồng); số tiền 2.300.000 (Hai triệu ba trăm nghìn) đồng thu giữ của Trần Thị H2; số tiền 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng của Nguyễn Thị Đ (trong số tiền 11.710.000 đồng); số tiền 2.450.000 (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng của Nguyễn Cao H3.

+ Trả cho Nguyễn Thị Mỹ L là 980.000 (Chín trăm tám mươi nghìn) đồng; Nguyễn Thị Đ 11.010.000 (Mười một triệu không trăm mười nghìn) đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 42 lá bài tây (đã qua sử dụng); 01 lá bài tây "6 cơ" đã qua sử dụng; 10 ghế bằng nhựa màu đỏ; 01 mặt bàn bằng bê tông.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 ĐTĐĐ hiệu Samsung Galaxy S6, màu bạc, số IMEI: 353018070202051; 01 ĐTĐĐ hiệu Apple loại Iphone 7 plus, màu đen, số IMEI: 359177079517275; 01 căn cước công dân số 072088004014, mang tên Nguyễn Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Mỹ L: 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A10S màu xanh, số IMEI 1: 35817610160797201, IMEI 2: 35817710160797001.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Đ: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia loại C201 màu đen, số Seri: 355506050151734. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Đ, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Tnh;
- THADS H.Châu Tnh;
- CA huyện Châu Tnh;
- Nhà tạm giữ Châu Tnh;
- Thi hành án hình sự;
- Người TGT;
- SO TP;
- Lưu tập án; Lưu hồ sơ

Nguyễn Quốc H